



BENDA SUSPENSION- CHAI 30ML

Benda SUSPENSION

Thuốc trừ giun phổ rộng

Chỉ định, Liều dùng và Cách dùng

Dùng cho Người lớn và
Trẻ em trên 2 tuổi

Trị nhiễm giun kim

Uống liều duy nhất 5ml,
khuyến cáo lặp lại sau 2 tuần
nếu nghi ngờ tái nhiễm

Trị nhiễm giun đũa, giun móc, giun tóc

5ml/lần x 2 lần/ngày vào buổi sáng và
buổi tối, uống trong 3 ngày liên tiếp

Chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong
tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

Benda

SUSPENSION

Hương hoa quả

Thuốc trừ giun
phổ rộng

Không chứa Cồn
Không chứa Đường

Trị giun kim, giun đũa,
giun tóc, giun móc



Cơ sở sản xuất:
Công ty TNHH THAI NAKORN PATANA Việt Nam
636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP. Tuy Hòa,
Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

30 ml

Thành phần: Mỗi 5ml hỗn dịch chứa:
Mebendazol.....100mg

Không dùng khi nắp lọ bị vỡ hoặc
tách rời.

Đóng chặt nắp sau khi dùng.

Bảo quản ở nhiệt độ không

quá 30°C, tránh ánh sáng

Tiêu chuẩn: TCCS

Lắc kỹ trước khi dùng

Số lô SX:
HD:



Size 86x37 mm.

BENDA SUSPENSION- HỘP 1 CHAI 30ML

Benda
SUSPENSION



Dạng bào chế: Hỗn dịch
Thành phần: Mỗi 5ml hỗn dịch chứa:
Mebendazole.....100mg

Chỉ định, Liều dùng và
Cách dùng

Dùng cho Người lớn và
Trẻ em trên 2 tuổi

Trị nhiễm giun kim

Uống liều duy nhất 5ml,
khuyến cáo lặp lại sau 2 tuần nếu
ngghi ngờ tái nhiễm

Trị nhiễm giun đũa,
giun móc, giun tóc

5ml/lần x 2 lần/ngày vào buổi sáng và
buổi tối, uống trong 3 ngày liên tiếp

Chống chỉ định và các thông tin khác: xem
trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Không dùng khi nắp lọ bị vỡ hoặc tách rời.
Đóng chặt nắp sau khi dùng.
Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30 độ C,
tránh ánh sáng.
Tiêu chuẩn: TCCS.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Lắc kỹ trước khi dùng



30 ml

Benda
SUSPENSION

Mixed Fruit Flavour

A broad
-spectrum
Anthelmintic

ALCOHOL
FREE
SUGAR
FREE

Pinworm
Threadworm
Roundworm
Hookworm
Whipworm



Manufacturer:
THAI NAKORN PATANA VIETNAM CO., LTD.
Tuy Hoa - Phú Yên - Vietnam

Each 5ml suspension contains:
Mebendazole.....100mg

Dosage and administration

Adults and children
aged over 2 years

For pinworm
or threadworm infections

Single dose: 5ml
A second dose is taken after 2
weeks, if reinfection is suspected.

For roundworm, hookworm,
and whipworm infections

5ml twice daily in the
morning and evening for
3 consecutive days

Do not use if cap is broken or separated.
Replace cap firmly after use.
Keep out of reach of children.
Do not store over 30°C. Protect from light.

Shake well before use

SDK (Reg. No) :
Lot No, Mfg. date and Exp. date, please see the bottom.
Số lô SX, ngày SX, Hạn dùng: xin xem dưới đáy hộp

Hộp 1 chai 30ml

Benda
SUSPENSION

Hương hoa quả

Thuốc
trừ giun
phổ rộng

Không chứa
Cồn
Không chứa
Đường

Trị
Giun kim
Giun đũa
Giun tóc
Giun móc



Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY TNHH THAI NAKORN PATANA VIỆT NAM
636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP. Tuy Hòa,
Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

SS 4 / X 10 Size : 37 x 36.5 x 89 mm. (TNP-046-R05)

Số lô SX :
(Lot. No.)

Ngày SX :
(Mfg. Date)

Hạn dùng :
(Exp. Date)





BENDA SUSPENSION

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

*Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại
gặp phải khi sử dụng thuốc*

1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi 5 ml chứa:

Thành phần hoạt chất:

Mebendazol 100,00 mg

Thành phần tá dược: Xanthan gum, magnesi nhôm silicat, dầu polyoxyl 40 hydrogenated castor, dung dịch sorbitol, glycerin, methylparaben, propylparaben, propylen glycol, simethicone emulsion 30 %, natri cyclamat, hương hoa quả (mixed fruit), màu vàng (sunset yellow), tartrazin, axit phosphoric, nước tinh khiết vừa đủ.

2. DẠNG BẢO CHẾ

Dạng bào chế: Hỗn dịch.

Hình thức dạng bào chế: Hỗn dịch màu vàng với hương hoa quả.

3. CHỈ ĐỊNH

Chuyên trị các loại giun đũa (*Ascaris lumbricoides*), giun móc (*Ancylostoma duodenale*, *Necator americanus*), giun tóc (*Trichuris trichiura*), giun kim (*Enterobius vermicularis*).

4. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Thuốc dùng đường uống.

Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi:

+ Trị giun kim: uống liều duy nhất 5ml; khuyến cáo uống liều thứ 2 sau 2 tuần nếu nghi ngờ tái nhiễm.

+ Trị giun đũa, giun móc, giun tóc và nhiễm nhiều giun: 5ml/lần, 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi tối, uống trong 3 ngày liên tiếp.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Chống chỉ định với phụ nữ có thai và mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Không nên dùng cho trẻ dưới 2 tuổi.

- Dùng liều cao mebendazol cần phải được theo dõi chặt chẽ công thức máu và chức năng gan. Nhìn chung, liều cao không được khuyến cáo cho những bệnh nhân có suy chức năng gan. Đã có thông báo về giảm bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho và mất bạch cầu hạt khi dùng mebendazol liều cao.

- Cần giữ vệ sinh để phòng ngừa tái nhiễm và lây lan bệnh.

- Đã có những báo cáo hiếm gặp về rối loạn chức năng gan có thể hồi phục, viêm gan và giảm bạch cầu trung tính được mô tả ở những bệnh nhân được điều trị bằng mebendazol ở liều lượng tiêu chuẩn cho các tình trạng được chỉ định (xem phần “TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

(ADR)”). Những biến cố này, cùng với viêm cầu thận và mất bạch cầu hạt, cũng đã được báo cáo với liều lượng cao hơn đáng kể so với khuyến cáo và điều trị trong thời gian dài.

- Một nghiên cứu bệnh chứng về một đợt bùng phát hội chứng Stevens-Johnson / hoại tử biểu bì nhiễm độc (SJS/TEN) cho thấy mối liên quan có thể xảy ra với việc sử dụng đồng thời metronidazol với mebendazol. Mặc dù không có thêm dữ liệu về tương tác tiềm ẩn này, nên tránh sử dụng đồng thời mebendazol và metronidazol.

- Co giật ở trẻ em, bao gồm cả trẻ sơ sinh dưới 1 tuổi, đã được ghi nhận sau khi thuốc lưu hành dù rất hiếm (xem phần “TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR)”). Mebendazol chưa được nghiên cứu rộng rãi ở trẻ em dưới 2 tuổi. Vì vậy, mebendazol chỉ nên được sử dụng cho trẻ em từ 1-2 tuổi nếu lợi ích mang lại tương đồng với nguy cơ có thể xảy ra.

- Do thiếu dữ liệu an toàn đầy đủ, mebendazol không nên được sử dụng cho trẻ em dưới 1 tuổi.

- Chỉ nên dùng mebendazol cho trẻ rất nhỏ nếu việc nhiễm giun gây ảnh hưởng đáng kể đến tình trạng dinh dưỡng và sự phát triển thể chất của trẻ.

Các cảnh báo, nguy cơ liên quan đến thành phần tá dược

- *Sorbitol*: Sorbitol có nguồn gốc từ fructose, nếu bạn hoặc con của bạn được bác sỹ thông báo không dung nạp với một số loại đường, hoặc bạn được chẩn đoán không dung nạp fructose di truyền (HFI), hãy thông báo với bác sỹ trước khi sử dụng thuốc này.
- *Màu vàng (sunset yellow), tartrazin*: có thể gây ra các phản ứng dị ứng.
- *Natri*: Thuốc này chứa ít hơn 1mmol Natri (23 mg) trên 5 ml, nghĩa là về cơ bản “không có natri”.
- *Dầu polyoxyl 40 hydrogenated castor (castor oil polyoxyl hydrogenated)*: Có thể gây đau bụng và tiêu chảy.
- *Propylene glycol*: Nếu trẻ dưới 4 tuần tuổi, hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ trước khi cho trẻ dùng thuốc, nhất là khi trẻ được cho dùng các thuốc khác có chứa propylene glycol hay alcol.
- *Methylparaben và Propylparaben*: có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể là phản ứng muộn).

7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai: Do chưa xác định được tính an toàn khi dùng mebendazol cho người mang thai; vì vậy về nguyên tắc không nên dùng cho người mang thai, nhất là trong ba tháng đầu thai kỳ.

Phụ nữ cho con bú: Chưa rõ mebendazol có tiết vào sữa mẹ không, cần thận trọng khi dùng mebendazol trong thời kỳ cho con bú.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không ảnh hưởng.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

- Cimetidin ức chế chuyển hóa mebendazol và có thể làm tăng nồng độ mebendazol trong huyết tương.
- Dùng đồng thời với phenytoin hoặc carbamazepin sẽ làm giảm nồng độ mebendazol trong huyết tương.
- Tránh sử dụng chung với metronidazole do có thể làm tăng nguy cơ của hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử da nhiễm độc.

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR)

- Thường gặp, $1/100 < \text{ADR} < 1/10$

Rối loạn tiêu hóa: Đau bụng

- Ít gặp, $1/1000 < \text{ADR} < 1/100$

Rối loạn tiêu hóa: Khó chịu ở bụng, tiêu chảy, đầy hơi, buồn nôn, nôn.

- Hiếm gặp, $\text{ADR} < 1/1000$

Rối loạn hệ thống bạch huyết và máu: Giảm bạch cầu trung tính, mất bạch cầu hạt.

Rối loạn hệ thống miễn dịch: Quá mẫn bao gồm phản ứng phản vệ và giả phản vệ.

Rối loạn hệ thống thần kinh: co giật, chóng mặt.

Rối loạn gan mật: viêm gan, chức năng gan bất thường.

Rối loạn da và mô dưới da: phát ban, hoại tử biểu bì nhiễm độc, hội chứng Stevens-Johnson, ngoại ban, phù mạch, mày đay, rụng tóc.

Rối loạn thận và tiết niệu: viêm cầu thận.

Xử trí ADR:

- Phải giảm liều ở người có tổn thương gan.
- Khi dùng mebendazol liều cao, phải tiến hành theo dõi đều đặn nồng độ transaminase trong huyết thanh, số lượng bạch cầu và tiểu cầu.

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

- **Quá liều:** Khi bị quá liều, có thể xảy ra rối loạn đường tiêu hóa kéo dài vài giờ.
- **Cách xử trí:** Nên gây nôn và dùng thuốc tẩy, có thể dùng than hoạt.

12. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 chai 30 ml.

13. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

- **Bảo quản:** ở nhiệt độ không quá 30°C . Tránh ánh sáng. Sau khi mở nắp, bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C và sử dụng trong vòng 30 ngày.
- **Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- **Tiêu chuẩn chất lượng:** Tiêu chuẩn cơ sở.

14. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:



CÔNG TY TNHH THAI NAKORN PATANA VIỆT NAM

Đc: 636 Nguyễn Tất Thành, Phường 9, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam